

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B.X
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 81 /2024/HS-ST
Ngày 16 - 12 - 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B.X

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Trúc – Giáo viên
2. Bà Tưởng Thị Tuyết – Hưu trí

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Lý – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện B.X, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B.X, tỉnh Lào Cai (Đường Đ.B, thị trấn B.X, Huyện B.X, tỉnh Lào Cai).

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/HSST-QĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đ.Q.H; Tên gọi khác: Không, sinh ngày 18/11/2009 tại huyện B.X, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: thôn T.Q, xã T.T, Huyện B.X, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đ.V.T và bà T.T.S; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo chưa có vợ, con. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2.N.L.A; Tên gọi khác: Không, sinh ngày 23/02/2009 tại Huyện B.X, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: thôn P.M2, xã T.T, huyện B.X, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: (không xác định được bố đẻ) và bà Đ.H.T; Bố dượng: N.V.N; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo chưa có vợ, con. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ.Q.H: Ông Đặng V.T, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn T.Q, xã T.T, Huyện B.X, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.L.A: Bà Đ.H.T, sinh năm 1980, trú tại: thôn P.M 2, xã T.T, Huyện B.X, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đ.Q.H: Bà N.T.H.T, sinh năm 1983 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo N.L.A: Bà M.T.T, sinh năm 1997 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà T.T.H - sinh năm 1951

Địa chỉ: thôn P.M 2, xã T.T, Huyện B.X, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/6/2024 Đ.Q.H và N.L.A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng của bà T.T.H ở thôn P.M 1 xã T.T, Huyện B.X, tỉnh Lào Cai. Cụ thể như sau:

Do có quan hệ họ hàng, Đ.Q.H thường xuyên đến nhà bà T.T.H chơi, nên biết bà Hương để chìa khoá kết sắt trong túi áo khoác treo trong tủ quần áo trong phòng ngủ và biết bà Hương gửi chìa khoá nhà ở nhà bà V.T.D là bà ngoại của H. Khoảng 13 giờ ngày 02/06/2024, Đ.Q.H và N.L.A gặp nhau ở Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã T.T. Lúc này, A có đòi tiền H vay nợ trước đó. Do không có tiền trả nợ nên H và N.L.A bàn bạc với nhau đi lên nhà bà T.T.H trộm cắp tiền. Đ.Q.H bảo A mượn xe máy để chở H đi lấy chìa khoá. Cả hai đi lên quán game, A mượn được xe mô tô của một người tên “Dũng”, A không nhớ biển kiểm soát rồi chở H đi xuống nhà bà V.T.D để lấy chìa khoá. Sau khi lấy được chìa khoá nhà bà Hương, A điều khiển xe mô tô chở H đến khu vực cách nhà bà Hương khoảng 20m thì dừng lại. Đ.Q.H xuống xe, cầm theo chìa khoá đi bộ lên nhà bà Hương, còn A điều khiển xe mô tô về quán game ngồi chờ để tránh người quan lại phát hiện. Khi lên đến nhà bà Hương, Đ.Q.H quan sát thấy cửa khoá, không có người ở nhà nên dùng chìa khoá vừa lấy được, mở cánh cửa phụ rồi đi vào phòng ngủ, mở tủ quần áo lấy 03 chiếc chìa khoá kết sắt từ túi áo khoác đang treo trong tủ. H cầm chìa khoá đi ra phòng khách, mở cửa kết sắt thì phát hiện một ngăn phụ nhỏ bên trong kết. H dùng chìa khoá mở ngăn phụ, thấy một túi vải màu nâu, bên trong có 10 cọc tiền, loại tiền mệnh giá 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng. H lấy 06 cọc tiền đút vào hai túi quần đang mặc (Tổng số tiền H trộm cắp được là 300.000.000 đồng). Số tiền còn lại H để nguyên trong túi vải và cất vào chỗ cũ, rồi khoá cửa kết sắt, cất chìa khoá kết vào chỗ cũ, khoá cửa nhà lại như ban đầu. Sau đó, H đi bộ ra

quán game để gặp A, cả hai đi xuống khu vực bờ kè sông Hồng để kiểm tra số tiền vừa trộm cắp được. Do thấy có người qua lại, nên H và A đi lên khu vực bếp của quán game. Tại đây, H đưa cho A tổng số 04 cọc tiền loại tiền mệnh giá 500.000 đồng (Tổng là 200.000.000 đồng), còn 02 cọc tiền, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng (Tổng 100.000.000 đồng) H cất giấu trong túi quần không nói cho A biết. A cầm 04 cọc tiền cất vào trong ba lô mang theo rồi tiếp tục chơi game tại quán. Khoảng 10 phút sau, H nói với A đưa lại cho H 7.000.000 (Bảy triệu) đồng để H mua nick game, A đồng ý và lấy 01 cọc tiền ra đếm đưa cho H 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, rồi cầm toàn bộ số tiền còn lại đi về nhà. Đ.Q.H sau khi đưa tiền cho A, còn cầm 02 cọc tiền loại tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tổng là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và 7.000.000 (Bảy triệu) đồng A đưa đi về nhà.

Về số tiền trộm cắp được, H đưa cho T.D.K số tiền 60.600.000 (Sáu mươi triệu sáu trăm nghìn) đồng (gồm tiền H cho K và nhờ K mua điện thoại và thuốc lá điện tử), T.D.K cho Đ.V.K 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng; H cho P.M.C vay số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, cho N.X.D vay 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, cho Lò T.T.K 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Từ ngày 02/6/2024 đến 05/6/2024, N.L.A cho N.Q.A vay 4.900.000 (Bốn triệu chín trăm nghìn) đồng. Đến ngày 15/6/2024, Q.A đã trả lại cho A. Ngày 08/6/2024, A cho G.V.H vay 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đồng. Ngày 12/06/2024, A nhờ mẹ là bà Đ.H.T đưa đi mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu VARIO hết 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Ngoài ra, Đ.Q.H và N.L.A còn sử dụng số tiền trộm cắp được tiêu sài cá nhân nhưng không nhớ chính xác số tiền đã sử dụng.

Đến ngày 14/6/2024, bà T.T.H kiểm tra kết sắt, thì phát hiện bị trộm cắp số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng nên đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Ngày 15/6/2024, Cơ quan điều tra đã mời Đ.Q.H và N.L.A lên làm việc. Quá trình làm việc Đ.Q.H và N.L.A khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà T.T.H ngày 02/6/2024.

Về vật chứng của vụ án:

Tạm giữ của Đ.Q.H 68.700.000 (Sáu mươi tám triệu bảy trăm nghìn) đồng, của N.L.A 160.200.000 (Một trăm sáu mươi triệu hai trăm nghìn) đồng, của Lò T.T.K: 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng, của T.D.K 33.100.000 (Ba mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng, của Nguyễn Ngọc H 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, của Đ.V.K 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng, của Vũ Đức Tường 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Tổng là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.X đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bị hại là bà T.T.H.

- Tạm giữ, 01 điện thoại Iphone Xs Max, màu vàng, đã qua sử dụng tạm giữ của Đ.Q.H; 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu tím, đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại Vario, màu đen, không biển kiểm soát, đã qua sử dụng tạm giữ của N.L.A. Quá trình điều tra Đ.Q.H và N.L.A đã giao nộp toàn bộ số tiền đã trộm cắp được nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.X đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại tài sản trên cho người đại diện theo pháp luật của Đ.Q.H và N.L.A.

Tạm giữ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, đã qua sử dụng của Lò T.T.K; Tạm giữ 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, màu trắng, đã qua sử dụng của T.D.K. Quá trình điều tra Lò T.T.K và T.D.K đã giao nộp toàn bộ số tiền đã nhận từ Đ.Q.H và N.L.A nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An Huyện B.X ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại tài sản trên cho T.D.K và Lò T.T.K.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là bà T.T.H, sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, không yêu cầu đề nghị gì khác. Bà T.T.H có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Đ.Q.H và N.L.A.

Cáo trạng số 74/CT- VKS ngày 18/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện B.X truy tố các bị cáo Đ.Q.H, N.L.A về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B.X giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đ.Q.H, N.L.A về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố là điểm a khoản 3 điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B.X đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 65; Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Đ.Q.H, N.L.A phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đ.Q.H từ 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

Xử phạt bị cáo N.L.A từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung: Khi phạm tội các bị cáo đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không có tài sản gì riêng. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là bà T.T.H, sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, không yêu cầu đề nghị gì khác. Bà T.T.H có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Đ.Q.H và N.L.A.

Về án phí: Bị cáo Đ.Q.H, N.L.A phạm tội khi mới đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi các bị cáo là trẻ em và các bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa bà Nguyễn Thị Hương Thủy trình bày lời bào chữa đối với bị cáo Đ.Q.H như sau: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất vì thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi còn là trẻ em nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101; khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Đ.Q.H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo với mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Đ.Q.H phạm tội khi mới đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị cáo là trẻ em và bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa bà M.T.T trình bày lời bào chữa đối với bị cáo N.L.A như sau: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất vì thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị cáo là trẻ em nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101; khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo N.L.A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo với mức án từ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng đến 02 (Hai) 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo N.L.A phạm tội khi mới đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị cáo là trẻ em và bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của các bị cáo đều đề nghị xem xét xử phạt các bị cáo mức thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, ngoài ra không có ý đề nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để kết luận. Đã có đủ cơ sở để kết luận ngày 02/06/2024 các bị cáo Đ.Q.H, N.L.A đã thực hiện hành vi trộm cắp của bà T.T.H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) Bị cáo Đ.Q.H phải chịu trách nhiệm đối với số tiền trộm cắp được là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), bị cáo N.L.A phải chịu trách nhiệm chung với bị cáo H số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Huyện B.X truy tố các bị cáo ra trước Tòa là hoàn toàn chính xác.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo, bị cáo N.L.A, Đ.Q.H đều là người thực hành có vai trò ngang nhau trong vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện B.X, tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, tính đến thời điểm phạm tội bị cáo Đ.Q.H mới 14 tuổi 06 tháng 15 ngày, bị cáo N.L.A mới 15 tuổi 03 tháng 10 ngày, các bị cáo còn là trẻ em nên khi trộm cắp được số tiền lớn không nhận

thức được giá trị mà mang số tiền đã trộm cắp được chia cho những người khác. Vì vậy việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo cần phải đảm bảo các nguyên tắc của Bộ luật Hình sự khi xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam mà chỉ áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và cũng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ.Q.H, N.L.A đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đ.Q.H mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

N.L.A mức án án từ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng đến 02 (Hai) 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo chưa phù hợp hành vi phạm tội và chưa đủ thời gian để dẫn đến các bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo N.L.A và bị cáo Đ.Q.H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường, khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Đ.Q.H, N.L.A có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật quy định

tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng khi lượng hình đối với các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà T.T.H đã nhận lại số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) không đề nghị các bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết là phù hợp.

[6] Các vấn đề khác liên quan tới vụ án:

Quá trình điều tra, Đ.V.K, N.X.D, N.N.H, V.Đ.T, P.M.C, T.D.K, G.V.H, N.Q.A, L. T.T.K đều khai nhận, không biết số tiền nhận từ Đ.Q.H và N.L.A là do trộm cắp mà có.

Đối với 01 điện thoại Iphone Xs Max, màu vàng, đã quan sử dụng tạm giữ của Đ.Q.H; 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu tím, đã quan sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại Vario, màu đen, không biển kiểm soát, đã quan sử dụng tạm giữ của N.L.A. Quá trình điều tra Đ.Q.H và N.L.A đã giao nộp toàn bộ số tiền đã trộm cắp được nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.X đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại tài sản trên cho người đại diện theo pháp luật của Đ.Q.H và N.L.A là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, đã quan sử dụng của Lò T.T.K; Tạm giữ 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, màu trắng, đã quan sử dụng của T.D.K. Quá trình điều tra Lò T.T.K và T.D.K đã giao nộp toàn bộ số tiền đã nhận từ Đ.Q.H và N.L.A nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.X ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại tài sản trên cho T.D.K và Lò T.T.K là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Đ.Q.H, N.L.A phạm tội khi mới đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại Luật trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/04/2016 thì các bị cáo còn là trẻ em và các bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54; Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Đ.Q.H, bị cáo N.L.A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đ.Q.H 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đ.Q.H cho Ủy ban nhân dân xã T.T, Huyện B.X, tỉnh Lào Cai theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo N.L.A 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đ.Q.H cho Ủy ban nhân dân xã T.T, Huyện B.X, tỉnh Lào Cai theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo Đ.Q.H, N.L.A được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAD tỉnh; VKSND tỉnh,
- VKS Huyện B.X
- THA dân sự Huyện;
- PC 10; Đội ĐT công an Huyện;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người đại diện hp của các bị cáo; .
- Người bào chữa (2)
- Lưu HS – TA, THA.

Đỗ Thị Thanh Hương